

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4217/LĐTBXH-BHXXH

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2022

V/v báo cáo tình hình thực
hiện Nghị quyết số 125/NQ-
CP, Nghị quyết số 102/NQ-
CP và Nghị quyết số 69/NQ-
CP của Chính phủ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Theo quy định tại Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, hằng năm Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết nêu trên gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng đề cương báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết (chi tiết tại phụ lục kèm theo). Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết nêu trên và đề cương báo cáo gửi kèm, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện năm 2022 (số liệu báo cáo tính đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022 và ước thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022), gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Vụ Bảo hiểm xã hội) **trước ngày 30 tháng 11 năm 2022** để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi bản điện tử của báo cáo (định dạng tệp tin word hoặc excel) về địa chỉ thư điện tử vubhxxh@molisa.gov.vn.

Thông tin chi tiết liên hệ Vụ Bảo hiểm xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, số điện thoại 024.38.269.530 hoặc qua địa chỉ thư điện tử: ttnam@molisa.gov.vn (Chuyên viên Trần Thanh Nam).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, BHXXH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Bá Hoan

PHỤ LỤC I

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 125/NQ-CP, NGHỊ QUYẾT SỐ 102/NQ-CP VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 69/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Công văn số 4217/LĐTBOXH-BHXH ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 28-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 125/NQ-CP

1. Về công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tạo sự đồng thuận trong cải cách chính sách bảo hiểm xã hội

a) Việc phối hợp với tổ chức đảng và cấp ủy cùng cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 28-NQ/TW đến toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý

b) Việc phối hợp với Mặt trận tổ quốc, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội để tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới người lao động và các tầng lớp nhân dân

2. Về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

a) Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tại địa phương theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP (Tổng số người được hỗ trợ, số người được hỗ trợ theo từng nhóm đối tượng, tổng kinh phí và kinh phí hỗ trợ theo từng nhóm đối tượng, so sánh và đánh giá, so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021)

b) Ban hành, thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tại địa phương theo quy định của địa phương (nếu có)

3. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội và pháp luật có liên quan.

b) Phối hợp trong xây dựng pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội và pháp luật có liên quan.

4. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội

a) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Chi tiết số đoàn thanh tra, kiểm tra; nội dung thanh tra, kiểm tra; kết quả thanh tra, kiểm tra; tổng số đơn vị doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra, số quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền xử phạt vi phạm hành chính, kết quả thi hành quyết định xử phạt và đánh giá, so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021).

b) Công tác phối hợp, chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, thuế, lao động (Chi tiết văn bản chỉ đạo....)

c) Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội.

5. Kết quả thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 28-NQ/TW

a) Số người và tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi của năm 2022 (đánh giá, so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021)

b) Số người và tỷ lệ người được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp xã hội cho người cao tuổi so với số người sau độ tuổi nghỉ hưu của năm 2022 (đánh giá, so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021)

c) Tỷ lệ giao dịch điện tử, mức độ thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số giờ giao dịch và chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của năm 2022 (đánh giá, so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021)

II. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP và Nghị quyết số 69/NQ-CP

1. Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Chỉ đạo đơn đốc các sở, ban, ngành liên quan căn cứ nguyên tắc, chỉ tiêu, kế hoạch đã xây dựng để triển khai thực hiện chỉ tiêu đã đề ra, thực hiện các giải pháp tại Nghị quyết số 102/NQ-CP.

3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại địa phương (đánh giá, so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021).

PHỤ LỤC II

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG ĐỘ TUỔI, SỐ NGƯỜI THUỘC DIỆN THAM GIA BHXH, BHTN, SỐ NGƯỜI THAM GIA BHXH, BHTN

(Kèm theo Công văn số 4217/LĐTBXH-BHXH ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: Người

STT	Chỉ tiêu	Lực lượng lao động trong độ tuổi	Số người thuộc diện tham gia BHXH, BHTN			Số người tham gia BHXH, BHTN		
			Số người thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc	Số người thuộc diện tham gia BHXH tự nguyện	Số người thuộc diện tham gia BHTN	Số người tham gia BHXH bắt buộc	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Số người tham gia BHTN
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Năm 2021							
3	Đến hết T9/2022							
4	Ước đến hết T12/2022							

PHỤ LỤC III

SỐ NGƯỜI SAU ĐỘ TUỔI NGHỈ HƯU, SỐ NGƯỜI ĐANG HƯỞNG LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BHXH HÀNG THÁNG, TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG CHO NGƯỜI CAO TUỔI

(Kèm theo Công văn số 4217/LĐTBXH-BHXH ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: Người

STT	Chỉ tiêu	Số người sau độ tuổi nghỉ hưu	Số người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng và trợ cấp xã hội hằng tháng cho người cao tuổi						
			Tổng	Số người hưởng lương hưu	Số người đang hưởng trợ cấp BHXH hằng tháng	Số người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng cho người cao tuổi			
						Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo (theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên (theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)	Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội (theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7			
2	Năm 2021								
3	Đến hết T9/2022								
4	Ước đến hết T12/2022								

PHỤ LỤC IV

THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BHXH, BHTN

(Kèm theo Công văn số 4217/LĐTBOXH-BHXH ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: Người, tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thanh tra, kiểm tra về BHXH, BHTN				
		Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Số đơn vị bị xử phạt vi phạm hành chính	Số tiền xử phạt	Số đơn vị nộp phạt	Số tiền đã nộp phạt
1	2	3	4	5	6	7
2	Năm 2021					
3	Đến hết T9/2022					
4	Ước đến hết T12/2022					

PHỤ LỤC V

TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN CHÍNH SÁCH BHXH, BHTN

(Kèm theo Công văn số 4217/LĐTBXH-BHXXH ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

[illegible]

PHỤ LỤC VI

CHẬM ĐÓNG BHXH, BHTN

(Kèm theo Công văn số 4217/LĐTBXH-BHXH ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: Đơn vị, người, tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Chậm đóng BHXH, BHTN						
		Số đơn vị chậm đóng	Số người lao động bị chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Số chậm đóng khó thu			
					Số tiền chậm đóng khó thu	Số tiền lãi chậm khó thu	Số đơn vị chậm đóng khó thu	Số người lao động bị chậm đóng khó thu
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Năm 2021							
3	Đến hết T9/2022							
4	Ước đến hết T12/2022							